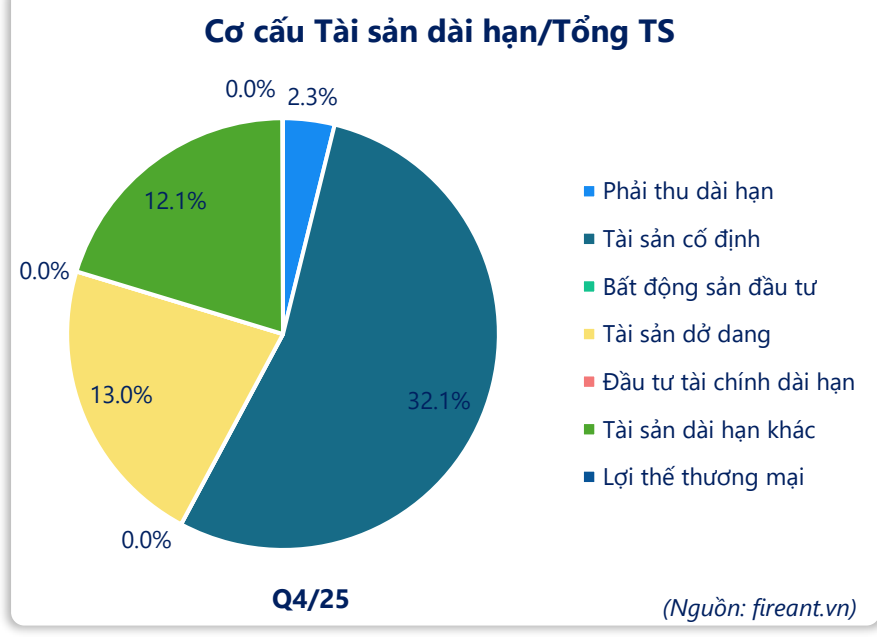
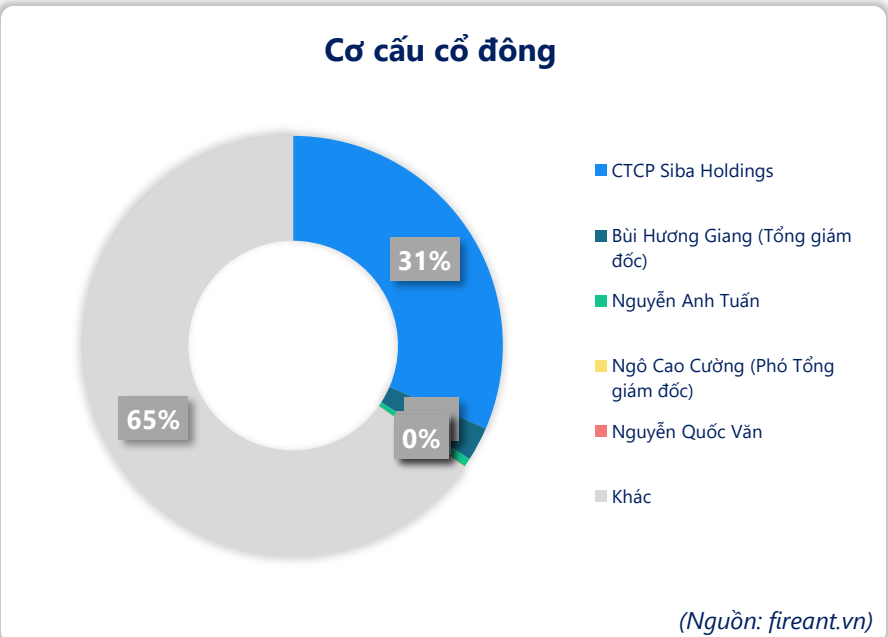
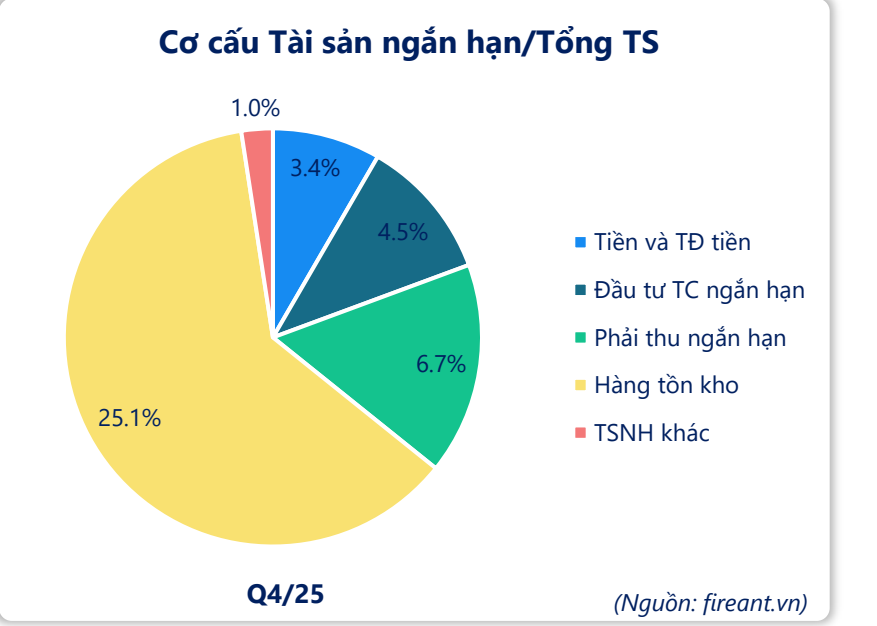
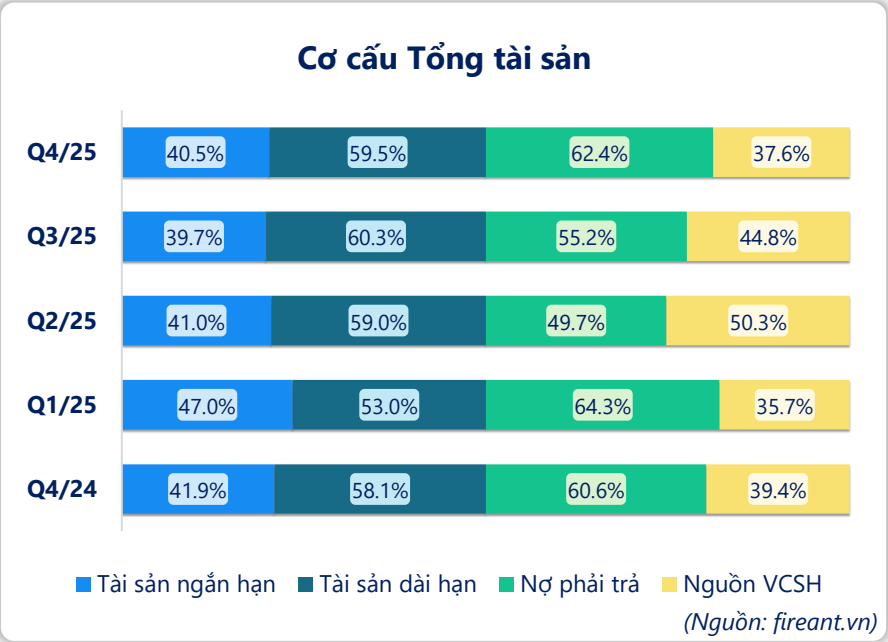
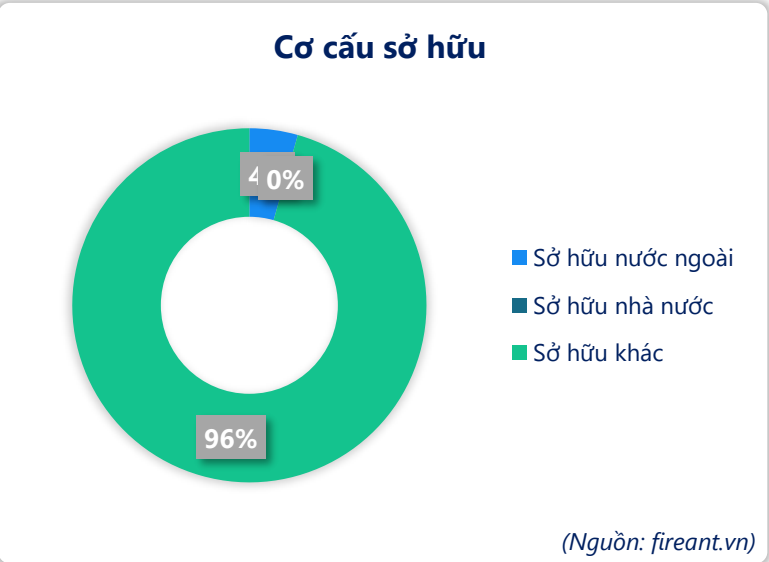
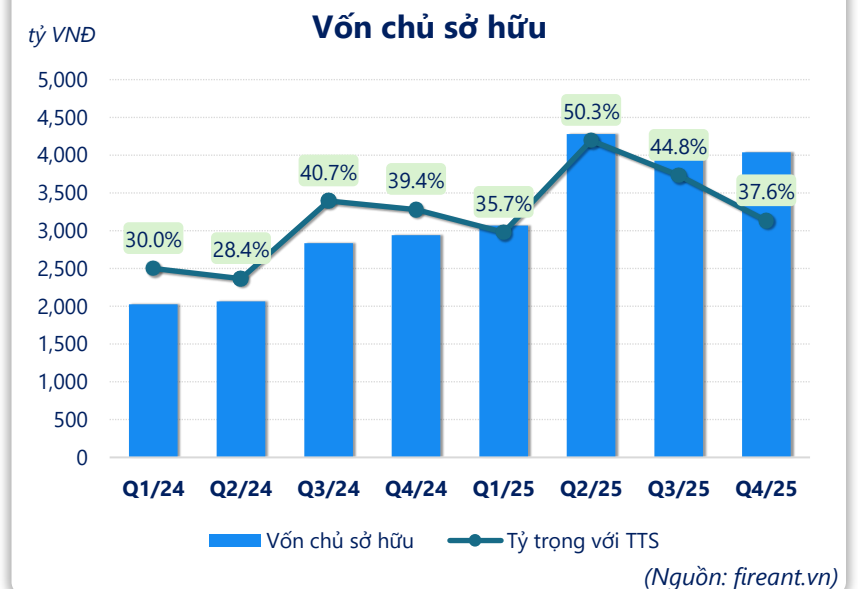
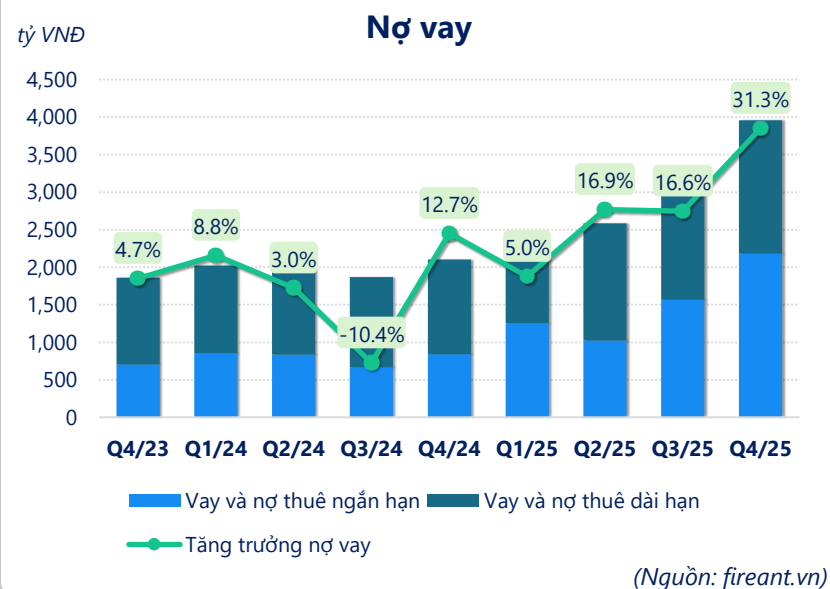
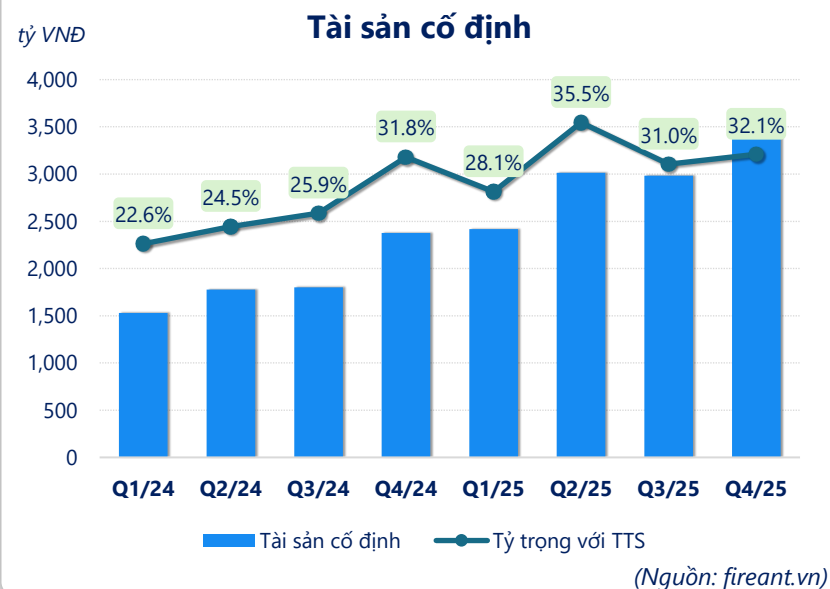
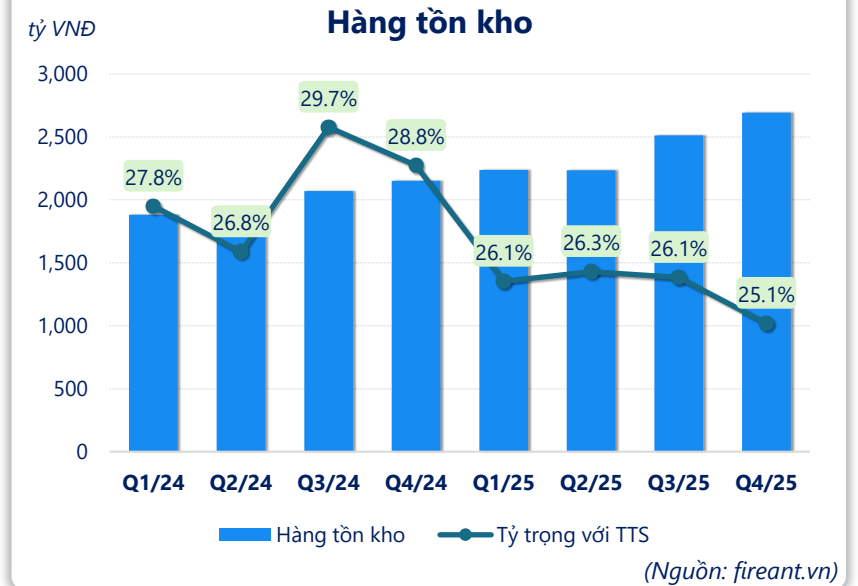
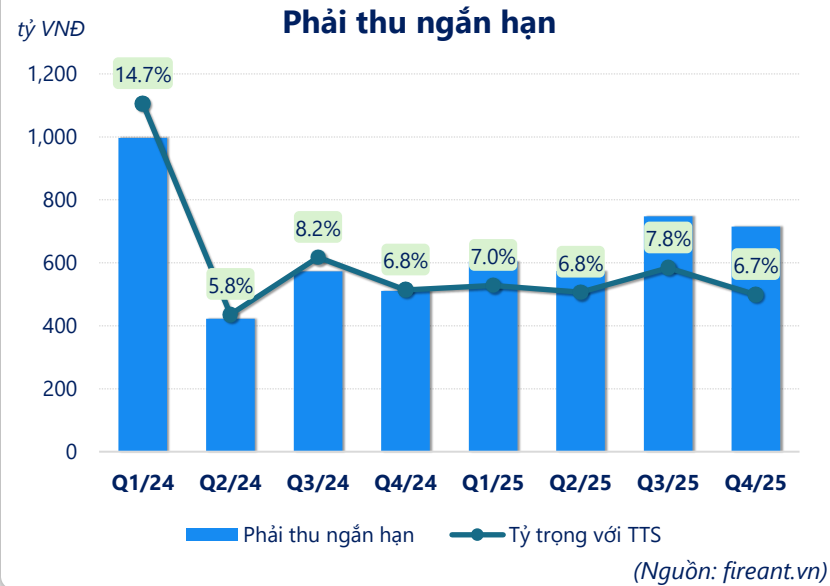
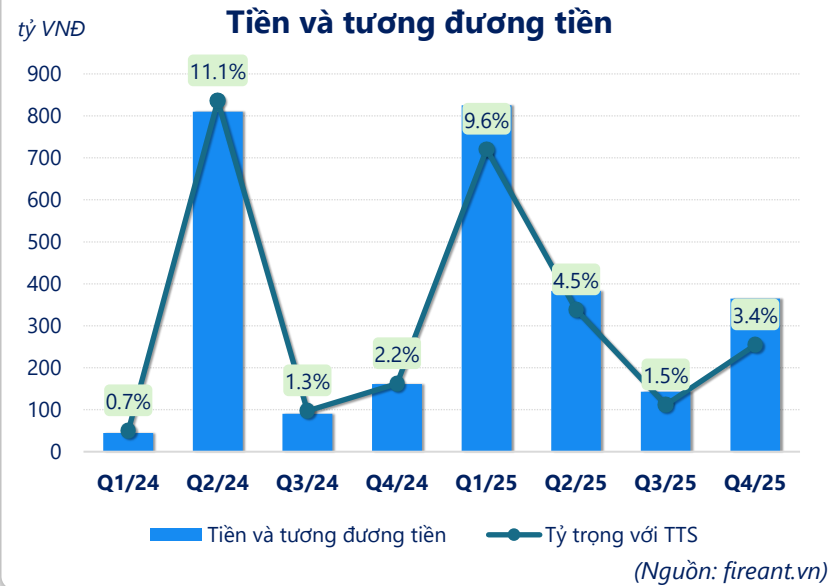
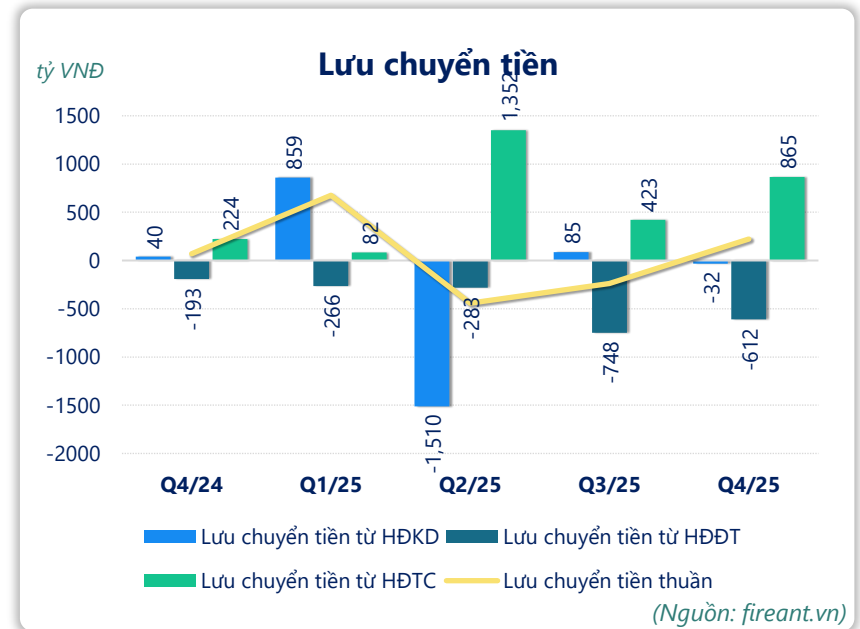
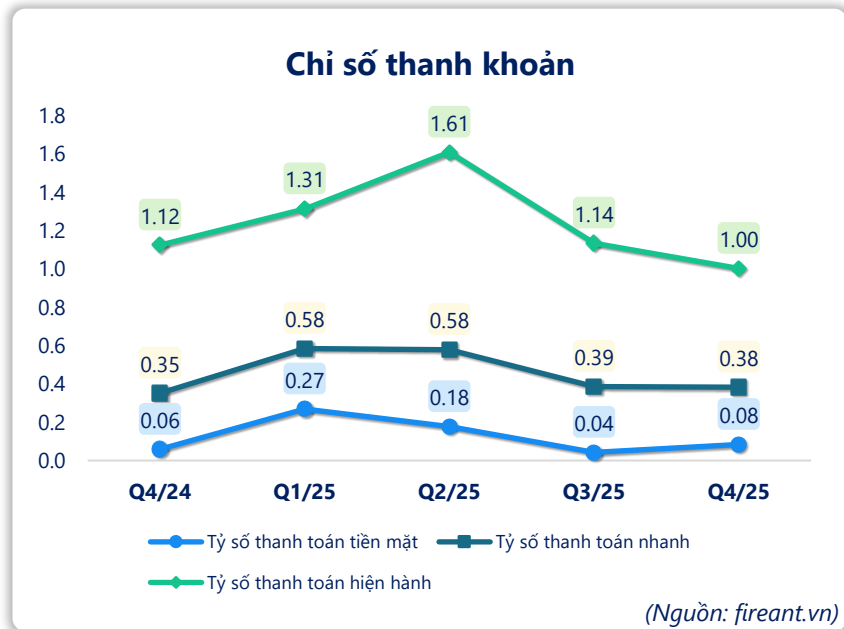
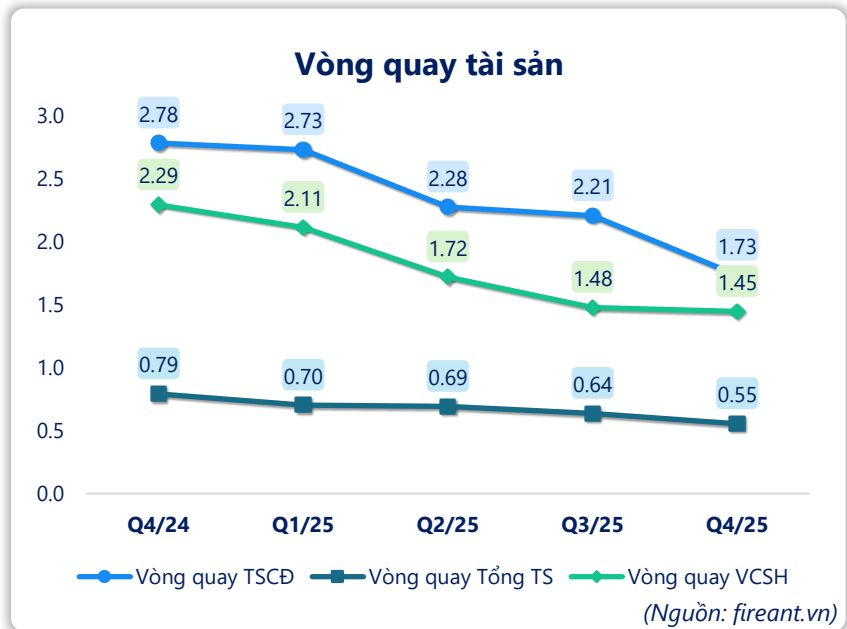
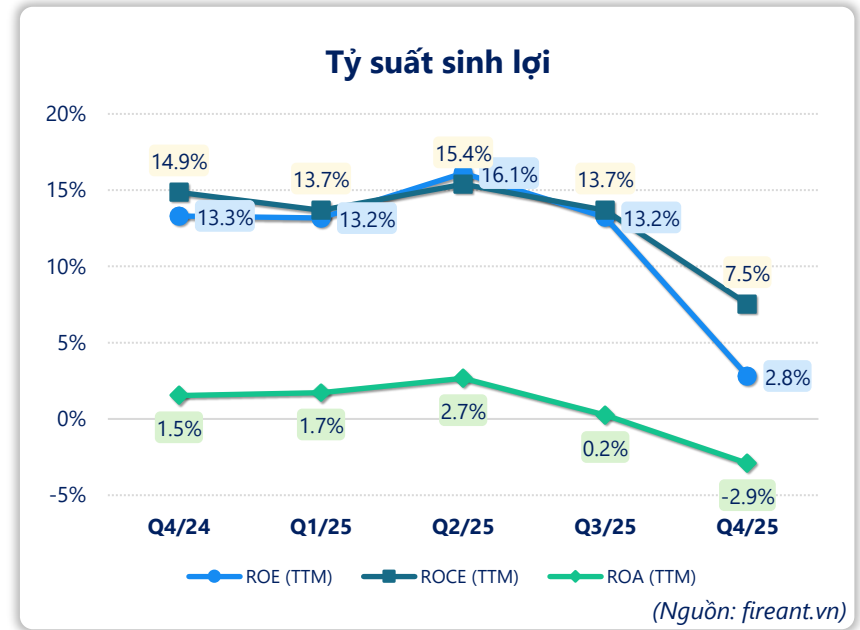
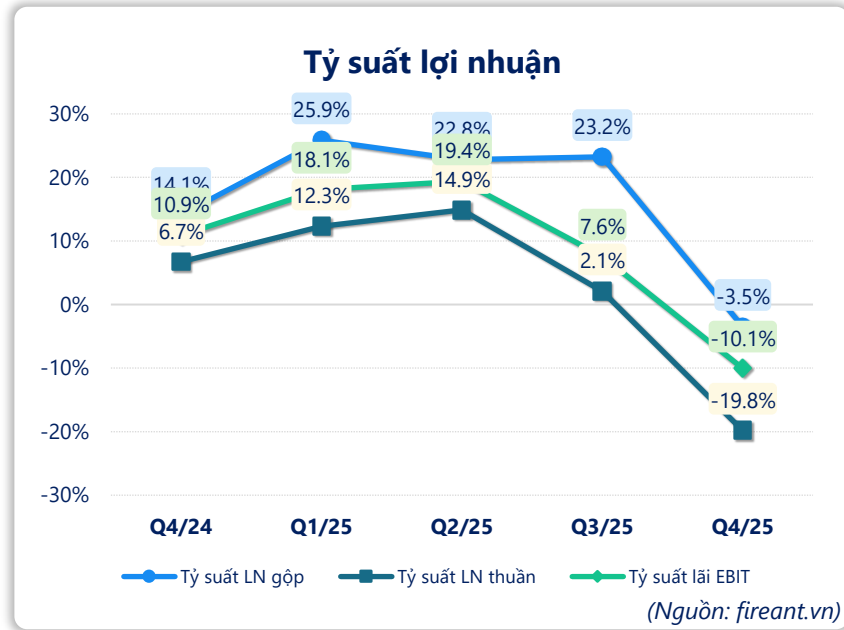
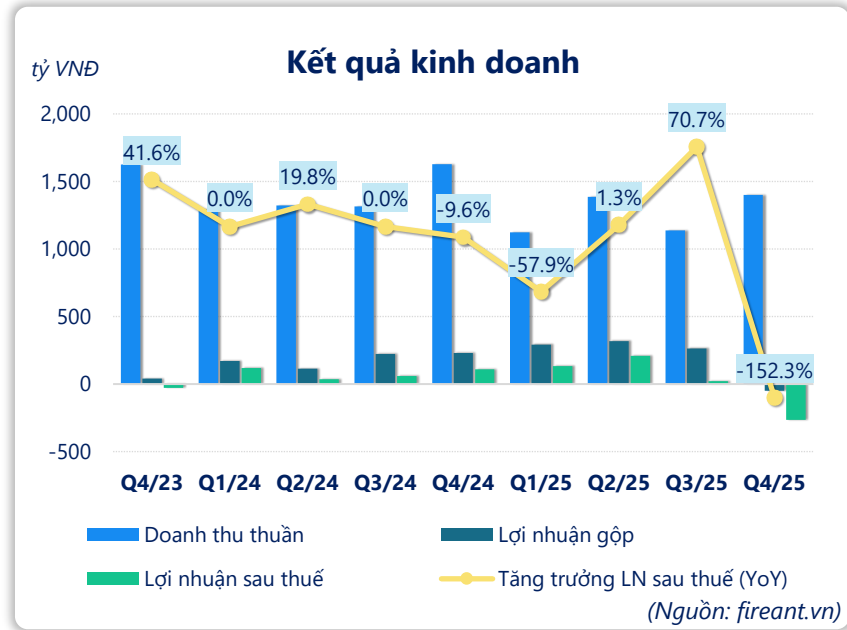


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,500
SL cổ phiếu LH		304,021,642
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,396,680
% sở hữu nước ngoài		4.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11,386
P/E		115.9
EPS		323

	YTD	1T	3T	6T
BAF	34.2%	11.0%	7.2%	11.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	10,744	7,449	44.2%
Tài sản ngắn hạn	4,356	3,081	41.4%
Tiền và tương đương tiền	364	149	145%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	479	291	64.7%
Phải thu ngắn hạn	715	444	60.9%
Hàng tồn kho	2,692	2,156	24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	106	41.2	157%
Tài sản dài hạn	6,388	4,368	46.2%
Phải thu dài hạn	246	224	10.1%
Tài sản cố định	3,448	2,394	44.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,396	892	56.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1,295	856	51.2%
Lợi thế thương mại	2.54	2.16	17.6%
Nợ phải trả	6,706	4,513	48.6%
Nợ ngắn hạn	4,344	3,065	41.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,178	1,139	91.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,005	1,771	13.2%
Nợ dài hạn	2,363	1,449	63.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,779	965	84.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,037	2,936	37.5%
Vốn chủ sở hữu	4,037	2,936	37.5%
Vốn điều lệ	3,040	2,390	27.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,627	1,124	1,387	1,136	1,399
Giá vốn hàng bán	1,397	833	1,070	872	1,448
Lợi nhuận gộp	230	290	316	264	-49.0
Doanh thu HĐTC	4.49	4.27	5.99	5.18	6.18
Chi phí TC	58.4	67.7	66.4	67.9	88.1
Chi phí lãi vay	58.6	62.2	56.8	59.5	137
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.8	35.8	-2.81	107	74.1
Chi phí QLDN	46.3	52.9	52.1	70.2	72.5
LN thuần từ HĐKD	109	138	207	23.7	-277
Lợi nhuận khác	9.14	2.70	5.70	2.73	-0.32
LN trước thuế	119	141	212	26.4	-278
Lợi nhuận sau thuế	109	134	209	22.5	-265
LNST của CĐ cty mẹ	108	132	210	20.6	-265

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.6	859	-1,510	84.9	-32.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-193	-266	-283	-748	-612
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	224	82.2	1,352	423	865
Tiền đầu kỳ	90.3	149	825	383	143
Lưu chuyển tiền thuần	70.8	676	-442	-240	222
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	161	825	383	143	364

(Nguồn: fireant.vn)